

BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA CẤP CHỨNG CHỈ TIN HỌC ỨNG DỤNG VĂN PHÒNG NÂNG CAO

Ngày kiểm tra: 29/09/2020

Thời gian kiểm tra: 17h30

Thời gian ôn tập: từ 15/09/2020 đến 22/09/2020

Địa điểm kiểm tra: Số 1 Đoàn Kết, P Bình Thọ, Q Thủ Đức, TP HCM

Lớp: THN1 và ghép nhóm THN2,3

Stt	Số báo danh	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Điểm		Điểm TBC	Kết Quả	Xếp Loại	Ghi chú
							Lý thuyết	Thực hành				
1	TN01	Nguyễn Thị	Ái	11/11/1981	Quảng Nam	Nữ	7.7	2.5	5.1	Không Đạt	Không đạt	THN1
2	TN02	Nguyễn Thị Ngọc	Anh	16/10/1996	Hà Nội	Nữ	8	8	8	Đạt	Giỏi	THN1
3	TN03	Trần Thị Thanh	Diệu	02/05/1995	Bình Thuận	Nữ	9.3	7.5	8.4	Đạt	Giỏi	THN1
4	TN04	Diệp Tư	Dinh	20/08/1983	Phú Yên	Nam	VT	VT	0	Không Đạt	Không đạt	THN1
5	TN05	Đỗ Kim	Dung	17/02/1986	Thái Bình	Nữ	9	4	6.5	Đạt	Trung Bình	THN1
6	TN06	Phạm Thị Ngọc	Dung	06/01/1988	Cần Thơ	Nữ	7.7	6	6.85	Đạt	Trung Bình	THN1
7	TN07	Hoàng Thị	Dung	18/04/1996	Thái Bình	Nữ	6.3	3	4.65	Không Đạt	Không đạt	THN1
8	TN08	Nguyễn Thị Thanh	Hà	23/09/1995	TP. Hồ Chí Minh	Nữ	8.3	8.5	8.4	Đạt	Giỏi	THN1
9	TN09	Trần Khắc	Hải	29/11/1989	Nghệ An	Nam	8	2.5	5.25	Không Đạt	Không đạt	THN1
10	TN10	Nguyễn Thị	Hằng	30/03/1993	Đắk Lắk	Nữ	8.7	4.5	6.6	Đạt	Trung Bình	THN1
11	TN11	Trần Thị Minh	Hiếu	27/11/1998	Hà Tĩnh	Nữ	8.7	4	6.35	Đạt	Trung Bình	THN1
12	TN12	Võ Thị	Hoài	05/01/1992	Hà Tĩnh	Nữ	8.7	4.5	6.6	Đạt	Trung Bình	THN1
13	TN13	Hồ Thị	Huệ	07/06/1994	Hà Tĩnh	Nữ	7.3	2	4.65	Không Đạt	Không đạt	THN1
14	TN14	Nguyễn Thị Ái	Hương	25/04/1990	TP. Hồ Chí Minh	Nữ	8	9	8.5	Đạt	Giỏi	THN1
15	TN15	Trần Văn	Kiên	11/10/1988	Hà Nam	Nam	8.3	2	5.15	Không Đạt	Không đạt	THN1
16	TN16	Trịnh Thị	Lan	18/06/1991	Ninh Bình	Nữ	8.3	4	6.15	Đạt	Trung Bình	THN1
17	TN17	Nguyễn Thị Tuyết	Linh	08/03/1994	Phú Yên	Nữ	8	8	8	Đạt	Giỏi	THN1
18	TN18	Trần Nhật	Linh	29/04/1999	Vĩnh Long	Nam	7	6	6.5	Đạt	Trung Bình	THN1

Stt	Số báo danh	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Điểm		Điểm TBC	Kết Quả	Xếp Loại	Ghi chú
							Lý thuyết	Thực hành				
19	TN19	Lưu Thị Hải	Ninh	02/10/1989	Nam Định	Nữ	7.7	6	6.85	Đạt	Trung Bình	THN1
20	TN20	Nguyễn Tấn	Phong	06/06/1996	Đồng Tháp	Nam	7.7	7	7.35	Đạt	Khá	THN1
21	TN21	Ngô Thị	Phượng	03/02/1984	Nam Định	Nữ	7.7	3.5	5.6	Đạt	Trung Bình	THN1
22	TN22	Trần Thị Mỹ	Phượng	09/05/1992	TP. Hồ Chí Minh	Nữ	7.7	5	6.35	Đạt	Trung Bình	THN1
23	TN104	Phạm Thị	Quy	29/10/1996	Bình Định	Nữ	8.3	2	5.15	Không Đạt	Không đạt	THN3
24	TN23	Phạm Ngọc	Quyên	29/06/1993	TP. Hồ Chí Minh	Nữ	8	9	8.5	Đạt	Giỏi	THN1
25	TN24	Nguyễn Thị Như	Quỳnh	20/08/1987	Bà Rịa - Vũng Tàu	Nữ	8.7	7	7.85	Đạt	Khá	THN1
26	TN105	Trịnh Thị Ngọc	Sang	06/11/1975	TP. Hồ Chí Minh	Nữ	6	2	4	Không Đạt	Không đạt	THN3
27	TN25	Nguyễn Thanh	Tâm	22/08/1993	Kiên Giang	Nam	7	2	4.5	Không Đạt	Không đạt	THN1
28	TN26	Dương Thị Hồng	Thanh	07/05/1996	Lâm Đồng	Nữ	9.7	9.5	9.6	Đạt	Giỏi	THN1
29	TN27	Hà Thị Kim	Thành	20/02/1995	Đồng Nai	Nữ	9.3	5.5	7.4	Đạt	Trung Bình	THN1
30	TN28	Võ Thị	Thảo	10/09/1993	Quảng Trị	Nữ	10	9.5	9.75	Đạt	Giỏi	THN1
31	TN106	Vũ Thị	Thủy	07/03/1994	Đồng Nai	Nữ	7	5	6	Đạt	Trung Bình	THN3
32	TN107	Nguyễn Thị	Thủy	30/07/1996	Quảng Trị	Nữ	7	5	6	Đạt	Trung Bình	THN3
33	TN29	Phạm Vương Cẩm	Tiên	16/04/1996	TP. Hồ Chí Minh	Nữ	9.7	2.5	6.1	Không Đạt	Không đạt	THN1
34	TN108	Hồ Thị Thủy	Tiên	02/01/1998	Bình Định	Nữ	7.3	4	5.65	Đạt	Trung Bình	THN3
35	TN109	Nguyễn Thị	Tiên	20/10/1996	Thanh Hoá	Nữ	8.3	3	5.65	Đạt	Trung Bình	THN3
36	TN110	Nguyễn Thị Ái	Tịnh	12/09/1991	Bình Định	Nữ	9	5	7	Đạt	Trung Bình	THN3
37	TN30	Trần Thị Ngọc	Trâm	18/09/1997	Bình Thuận	Nữ	10	2	6	Không Đạt	Không đạt	THN1
38	TN31	Phạm Hà Bảo	Trân	10/05/1982	Đồng Nai	Nữ	8.7	5	6.85	Đạt	Trung Bình	THN1
39	TN32	Nguyễn Thị Thùy	Trang	15/06/1991	Quảng Bình	Nữ	8.3	4	6.15	Đạt	Trung Bình	THN1
40	TN111	Trương Thị Thanh	Trang	19/03/1997	Tiền Giang	Nữ	6.7	1	3.85	Không Đạt	Không đạt	THN3
41	TN33	Nguyễn Thị Diệu	Trình	10/04/1995	Ninh Thuận	Nữ	10	7	8.5	Đạt	Giỏi	THN1

Stt	Số báo danh	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Điểm		Điểm TBC	Kết Quả	Xếp Loại	Ghi chú
							Lý thuyết	Thực hành				
42	TN34	Lê Thị Thảo	Trinh	20/05/1993	Long An	Nữ	8.3	3	5.65	Đạt	Trung Bình	THN1
43	TN112	Hà Kiều	Trinh	07/02/1999	Bình Định	Nữ	9.3	2	5.65	Không Đạt	Không đạt	THN3
44	TN35	Nguyễn Lê Thúy	Trúc	01/01/2001	Bình Định	Nữ	8.3	3	5.65	Đạt	Trung Bình	THN1
45	TN113	Đặng Thị Thanh	Trúc	06/04/1996	Long An	Nữ	9.3	5	7.15	Đạt	Trung Bình	THN3
46	TN69	Nguyễn Thị Ngọc	Tuy	19/12/1983	TP Hồ Chí Minh	Nữ	6.7	3	4.85	Không Đạt	Không đạt	THN2
47	TN114	Phạm Thị Ngọc	Tuyền	27/04/1991	An Giang	Nữ	4.7	2	3.35	Không Đạt	Không đạt	THN3
48	TN115	Lại Thị Ngọc	Tuyết	23/10/1997	TP. Hồ Chí Minh	Nữ	5	7	6	Đạt	Trung Bình	THN3
49	TN36	Lê Tô Ngọc	Uyên	13/10/1995	TP. Hồ Chí Minh	Nữ	7	3	5	Đạt	Trung Bình	THN1
50	TN116	Nguyễn Ngọc Nhã	Uyên	03/01/1995	TP. Hồ Chí Minh	Nữ	6	5.5	5.75	Đạt	Trung Bình	THN3
51	TN37	Nguyễn Thị Huyền	Viễn	21/05/1993	Bà Rịa - Vũng Tàu	Nữ	10	3	6.5	Đạt	Trung Bình	THN1
52	TN117	Bùi Đức	Việt	10/11/1985	Nghệ An	Nam	10	2	6	Không Đạt	Không đạt	THN3
53	TN70	Lê Nguyễn Thuý	Vy	03/04/1995	Đồng Nai	Nữ	8.3	6	7.15	Đạt	Khá	THN2
54	TN71	Trần Lê Thụy	Vy	30/10/1990	Đồng Nai	Nữ	10	10	10	Đạt	Giỏi	THN2
55	TN72	Lê Đình	Vỹ	06/10/1977	Khánh Hoà	Nam	9.3	6.5	7.9	Đạt	Khá	THN2
56	TN38	Mai Thị Như	Ý	21/11/1996	Quảng Ngãi	Nữ	10	4.5	7.25	Đạt	Trung Bình	THN1
57	TN73	Ngô Thị Ngọc	Yên	20/06/1989	Tiền Giang	Nữ	9.3	4.5	6.9	Đạt	Trung Bình	THN2

Tổng số thí sinh dự kiểm tra: 56

Tổng số thí sinh vắng dự kiểm tra: 01

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG KIỂM TRA
(Ký, ghi rõ họ tên)

ThS. Dương Công Hiếu

TRƯỞNG BAN THƯ KÝ
(Ký, ghi rõ họ tên)

Ths. Lương Kim Anh

Tổng số thí sinh đạt: 40

Tổng số thí sinh không đạt: 16

TP Hồ Chí Minh, ngày ... tháng ... năm 2020

THƯ KÝ
(Ký, ghi rõ họ tên)

Trần Thị Tô Thẩm